

Phụ lục II

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 1628 /QĐ-UBND ngày 17 /7/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

Phần I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH
NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA (144 TTHC)**

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động (02 TTHC)	
1	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	2.000140
2	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	2.000066
II	Lĩnh vực Điện (03 TTHC)	
3	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013411
4	Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013412
5	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013416
III	Lĩnh vực Hoá chất (20 TTHC)	
6	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	1.003820
7	Cập điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	2.001585
8	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	1.003775
9	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	1.003724
10	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	2.001722
11	Cập điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	1.004031
12	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	2.000431
13	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	2.000257

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
14	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	1.012429
15	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	1.012430
16	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	1.012431
17	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	1.012432
18	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	1.012433
19	Cấp Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	1.012434
20	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	1.012438
21	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	1.012439
22	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	1.012440
23	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	1.012441
24	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	1.012442
25	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	1.012443
IV	Lĩnh vực Thương mại điện tử (01 TTHC)	
26	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	2.000243
V	Lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp (03 TTHC)	
27	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	2.001573
28	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	1.003705
29	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	2.000324
VI	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp (07 TTHC)	
30	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	2.000229

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
31	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	2.000210
32	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.001434
33	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.001433
34	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh	1.013058
35	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	1.000998
36	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	1.000965
VII	Lĩnh vực Kinh doanh khí (15 TTHC)	
37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	2.001424
38	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	1.000491
39	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	1.000510
40	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	1.005184
41	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	1.000649
42	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	1.005372
43	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	1.000706
44	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	2.000146
45	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	1.000387
46	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	1.000475

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	1.000455
48	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	1.000742
49	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	2.000304
50	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	1.000709
51	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	1.000704
VIII	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (06 TTHC)	
52	Cấp Giấy phép phân phối rượu	1.003977
53	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	1.005376
54	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	1.003101
55	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	1.001338
56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	1.001323
57	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	2.000598
IX	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại (02 TTHC)	
58	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	2.000026
59	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	2.000133
X	Lĩnh vực Phát triển quản lý chợ (01 TTHC)	
60	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	1.012569
XI	Lĩnh vực Thương mại quốc tế (15 TTHC)	
61	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	2.000370
62	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	2.000362

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
63	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	2.000351
64	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	2.000330
65	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	2.000272
66	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	2.000361
67	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	1.000774
68	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	2.000322
69	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	2.002166
70	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	2.000662
71	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1.000376
72	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1.000361
73	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000129
74	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1.000358
75	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	1.000168
XII	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện (02 TTHC)	
76	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013399
77	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm	1.013400

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
XIII	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu (24 TTHC)	
78	Gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	1.013778
79	Cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	1.013779
80	Cấp phép nhập khẩu mặt hàng có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh nhưng không phục vụ quốc phòng, an ninh	1.013991
81	Thủ tục cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	1.001419
82	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	1.000350
83	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	1.005405
84	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	1.005406
85	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	1.003438
86	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	1.000957
87	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	1.000905
88	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	1.000890
89	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	2.001758
90	Cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	1.000477
91	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	1.001062
92	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	2.001758

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
93	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	1.000363
94	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	1.004181
95	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	1.004155
96	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	1.000890
97	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương	1.001238
98	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương	1.001104
99	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	1.004191
100	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	1.000551
101	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mặt hàng tự nhiên sang Nhật Bản	1.000264
XIV	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (12 TTHC)	
102	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	1.013780
103	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	1.004021
104	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	1.003992
105	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	1.004007
106	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	1.000667
107	Cấp giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	1.000981
108	Cấp lại giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	1.000948
109	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	1.000911

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
110	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	2.000209
111	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ; đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu; di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	1.000162
112	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	1.000172
113	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	1.000949
XV	Lĩnh vực Công nghiệp nặng (01 TTHC)	
114	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.001304
XVI	Lĩnh vực Dầu khí (01 TTHC)	
115	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.013987
XVII	Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hóa (06 TTHC)	
116	Cấp Quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	1.013989
117	Cấp lại quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	1.013990
118	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm hàng hóa	2.000604
119	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	2.001665
120	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	2.001675
121	Cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	2.000046
XVIII	Lĩnh vực Khoa học công nghệ (01 TTHC)	
122	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	2.000147
XIX	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (09 TTHC)	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
123	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	1.001271
124	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	2.000618
125	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	2.000613
126	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	1.000878
127	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	2.000401
128	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	2.000251
129	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	1.001292
130	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	2.000628
131	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	2.000624
XX	Lĩnh vực An toàn thực phẩm (10 TTHC)	
132	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	2.001293
133	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	2.001278
134	Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	2.001682
135	Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1.003951
136	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	2.001660
137	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	1.003860
138	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	2.001595
139	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	1.003929
140	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ	2.000117

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	sở kinh doanh thực phẩm	
141	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	2.000115
XXI	Lĩnh vực Giám định thương mại (02 TTHC)	
142	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	1.005190
143	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	2.000110
<i>Danh mục ấn định 21 lĩnh vực, 143 TTHC./.</i>		

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

CỤM TỪ VIẾT TẮT

- UBND: Ủy ban nhân dân;
- CCMC: Công chức Bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- QLCN: Quản lý Công nghiệp;
- QLNL: Quản lý Năng lượng;
- QLTM: Quản lý Thương mại.

I. LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG (02 TTHC)

1. Nhóm 02 TTHC:

1.1. Cấp chứng chỉ kiểm định viên (2.000140);

1.2. Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên (2.000066);

Tổng thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc (40 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLTM	CCMC	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thông báo cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc để sửa đổi, bổ sung hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành; - Dự thảo văn bản chuyển Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên Phòng QLCN	16 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN	02 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	12 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		05 ngày làm việc

II. Lĩnh vực Điện (03 TTHC)

1. Nhóm 03 TTHC gồm:

1.1. Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013411);

1.2. Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013412);

1.3. Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013416);

Thời gian thực hiện: 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ TTHC cho lãnh đạo Phòng QLCN xử lý.	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLNL	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc để tổ chức cá nhân kinh doanh sửa đổi, bổ sung hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tiến hành thẩm định hồ sơ theo quy định; - Dự thảo văn bản chuyển Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên Phòng QLNL	6,5 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLNL	0,5 ngày
B5	Duyệt hồ sơ/ký xử lý văn bản thông báo kết quả xét chọn đến cá nhân gửi hồ sơ đề nghị	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		14 ngày

III. Lĩnh vực Hóa chất (20 TTHC)

1. Nhóm 08 TTHC gồm:

1.1. Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 (1.003820);

1.2. Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 (2.001585)

1.3. Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.003724);

1.4. Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.004031);

1.5. Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (1.012438);

1.6. Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.012440);

1.7. Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (1.012441);

1.8. Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.012443).

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho phòng QLCN	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện các bước tiếp theo	Chuyên viên phòng QLCN	08 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLCN	01 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		16 ngày làm việc

2. Nhóm 08 TTHC gồm:

2.1. Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 (1.003775);

2.2. Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (2.001722);

2.3. Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (1.012429);

2.4. Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (1.012431);

2.5. Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (1.012432);

2.6. Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 (1.012434);

2.7. Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 (1.012439);

2.8. Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (2.001722)

Tổng thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLTM	CCMC	02 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thông báo cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc để sửa đổi, bổ sung hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành; - Dự thảo văn bản chuyển Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên Phòng QLCN	16 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN	02 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	12 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		40 giờ

3. Nhóm 04 TTHC gồm:

3.1. Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (2.000431);

3.2. Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 (2.000257);

3.3. Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (1.012430);

3.4. Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 (1.012433);

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (7 ngày làm việc x 08 giờ = 56 giờ làm việc)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLCN	CCMC	04 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện các bước tiếp theo	Chuyên viên phòng QLCN	24 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLCN	02 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	04 giờ
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	16 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		56 giờ làm việc

IV. Lĩnh vực Thương mại điện tử (01 TTHC)

1. Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử (1.000880)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLTM	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thông báo cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc để	Chuyên viên phòng QLTM	07 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
	sửa đổi, bổ sung hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành; - Dự thảo văn bản chuyển Lãnh đạo phòng		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện TTHC		15 ngày làm việc

V. Lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp (03 TTHC)

1. Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp (2.001573)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLTM	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng quy định, ban hành thông báo sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, dự thảo văn bản xác nhận. Trường hợp từ chối không cấp văn bản xác nhận, dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do. - Chuyển dự thảo Văn bản tới Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên Phòng QLTM	04 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		10 ngày làm việc

2. Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp (1.003705)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 30 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ TTHC cho lãnh đạo Phòng QLTM xử lý.	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản Quyết định - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có văn bản yêu cầu cơ sở đào tạo bổ sung hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chuyên viên thẩm định hồ sơ và trình lãnh đạo phòng Quyết định công nhận. - Trường hợp có thay đổi thông tin trong hồ sơ đề nghị công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp đã được công nhận, cơ sở đào tạo phải thông báo cho Sở Công Thương bằng văn bản. Chuyên viên thẩm định hồ sơ và trình văn bản thông báo công nhận nội dung thông tin thay đổi. Trường hợp thông tin thay đổi có nội dung trái pháp luật hoặc không phù hợp với quy định của Nghị định 40/2018/NĐ-CP, trình Lãnh đạo thông báo không công nhận nội dung thay đổi.	Chuyên viên Phòng QLTM	17 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	10 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		30 ngày làm việc

3. Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương (2.000324)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLTM	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung trong vòng 03 ngày. - Trường hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ trình Dự thảo văn bản chuyển lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng QLTM	07 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		15 ngày làm việc

VI. Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (07 TTHC)

1. Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương (2.000229)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLCN	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 02 ngày làm việc, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo	Chuyên viên Phòng QLCN	12 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		20 ngày làm việc

2. Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương (2.000210)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc = 24 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLCN	CCMC	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 02 ngày làm việc để tổ chức cá nhân kinh doanh sửa đổi, bổ sung hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đáp ứng yêu cầu tiến hành thẩm định hồ sơ theo quy định: dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Phòng.	Chuyên viên Phòng QLCN	04 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN	02 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	08 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		24 giờ làm việc

3. Nhóm 05 TTHC gồm:

3.1 Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (2.001434)

3.2. Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (2.001433)

3.3. Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh (1.013058)

3.4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ (1.000998)

3.5. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ (1.000965)

Tổng thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc (40 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLTM	CCMC	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thông báo cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc để sửa đổi, bổ sung hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành; - Dự thảo văn bản chuyển Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên Phòng QLCN	16 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN	02 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	12 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		40 giờ làm việc

VII. Lĩnh vực Kinh doanh khí (15 TTHC)

1. Nhóm 05 TTHC gồm:

1.1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (2.001424)

1.2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (1.005184)

1.3. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (1.000706)

1.4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG (1.000475)

1.5. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini (2.000304)

Tổng thời gian thực hiện: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLTM	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung trong vòng 03 ngày. - Trường hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Dự thảo văn bản chuyển lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng QLTM	07 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		15 ngày làm việc

2. Nhóm 10 TTHC gồm:

2.1. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (1.000491)

2.2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG (1.000510)

2.3. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (1.000649)

2.4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (1.005372)

2.5. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (2.000146)

2.6. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (1.000387)

2.7. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG (1.000455)

2.8. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG (1.000742)

2.9. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini (1.000709)

2.10. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini (1.000704)

Tổng thời gian thực hiện: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLTM	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung trong vòng 03 ngày. - Trường hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ	Chuyên viên Phòng QLTM	2,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
	Công Thương. - Dự thảo văn bản chuyển lãnh đạo phòng		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		07 ngày làm việc

VIII. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (06 TTHC)

1. Nhóm 02 TTHC gồm:

1.1. Cấp Giấy phép phân phối rượu (1.003977);

1.2. Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (1.001338);

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLCN, QLTM	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN, QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung trong vòng 03 ngày. - Trường hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC theo quy định: Dự thảo văn bản chuyển lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng QLCN, QLTM	07 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		15 ngày làm việc

2. Nhóm 04 TTHC gồm

2.1. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu (1.005376);

2.2. Cấp lại Giấy phép phân phối rượu (1.003101);

2.3. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (1.001323);

2.4. Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (2.000598);

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLCN, QLTM	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN, QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung trong vòng 03 ngày. - Trường hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC theo quy định: Dự thảo văn bản chuyển lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng QLCN, QLTM	2,5 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		07 ngày làm việc

IX. Lĩnh vực Xúc tiến thương mại (02 TTHC)

1. Nhóm 02 TTHC gồm:

1.1. Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài (2.000026);

1.2. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài (2.000133).

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ).

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ TTHC cho lãnh đạo phòng QLTM xử lý.	CCMC	02 giờ
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo phòng QLTM	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được yêu cầu, thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 24 giờ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành; - Dự thảo văn bản chuyển Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên phòng QLTM	16 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	02 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư	02 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	12 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		40 giờ

X. Lĩnh vực Phát triển quản lý chợ (01 TTHC)

1. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ (1.012569);

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 75 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ TTHC cho lãnh đạo Phòng QLTM xử lý.	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thông báo cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc để sửa đổi, bổ sung hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành; - Dự thảo văn bản chuyển Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên phòng QLTM	40 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	02 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký xử lý văn bản trình UBND tỉnh hoặc thông báo kết quả xem xét hồ sơ đến cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... gửi hồ sơ đề nghị.	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày
B6	Đóng dấu, trình văn bản UBND tỉnh xem xét, quyết định hoặc thông báo kết quả xem xét hồ sơ đến cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... gửi hồ sơ đề nghị.	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định thu hồi tài sản. Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo, UBND tỉnh	30 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện TTHC		75 ngày

XI. Lĩnh vực Thương mại quốc tế (15 TTHC)

1. Nhóm 04 TTHC gồm:

1.1. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn (2.000370);

1.2. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí (2.000362);

1.3. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP (2.000351);

1.4. Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (2.000330)

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 28 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo phòng QLTM xử lý.	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được yêu cầu, thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày để sửa đổi, bổ sung; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, kiểm tra việc đáp ứng điều kiện: + Trường hợp không đáp ứng điều kiện, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; + Trường hợp đáp ứng điều kiện, gửi hồ sơ kèm Văn bản lấy ý kiến UBND tỉnh. - Dự thảo Văn bản chuyển Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên phòng QLTM	7,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	UBND tỉnh căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 10 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Lãnh đạo UBND tỉnh	15 ngày
B8	Kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận/không chấp thuận cấp phép của UBND tỉnh: + Trường hợp văn bản UBND tỉnh không chấp thuận cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; + Trường hợp văn bản UBND tỉnh chấp thuận cấp phép, dự thảo Giấy phép và chuyển Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên phòng QLTM	1,5 ngày
B9	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B10	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho bộ phận văn thư	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
B11	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Sở	0,5 ngày
B12	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện TTHC		28 ngày làm việc

2. Nhóm 03 TTHC gồm:

2.1. Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP (2.000272);

2.2. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (2.000361);

2.3. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại (2.000322);

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 20 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo phòng QLTM xử lý.	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được yêu cầu, thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày để sửa đổi, bổ sung; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: + Trường hợp không đáp ứng điều kiện, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; + Trường hợp đáp ứng điều kiện, gửi hồ sơ kèm Văn bản lấy ý kiến UBND tỉnh (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP). - Dự thảo Văn bản chuyển Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên phòng QLTM	7,5 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	UBND tỉnh căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Lãnh đạo UBND tỉnh	07 ngày
B8	Kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận/không chấp thuận cấp phép của UBND tỉnh: + Trường hợp văn bản UBND tỉnh không chấp thuận cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; + Trường hợp văn bản UBND tỉnh chấp thuận cấp phép, dự thảo Giấy phép và chuyển Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên phòng QLTM	1,5 ngày
B9	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B10	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho bộ phận văn thư	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
B11	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Sở	0,5 ngày
B12	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện TTHC		20 ngày làm việc

3. Nhóm 03 TTHC gồm:

3.1. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (1.000774);

3.2. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini (2.002166);

3.3. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động (2.000662)

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 55 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ TTHC cho lãnh đạo phòng QLTM xử lý.	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được yêu cầu, thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, thực hiện kiểm tra việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định 09/2018/NĐ-CP: + Trường hợp không đáp ứng điều kiện, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;	Chuyên viên phòng QLTM	2,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
	+ Trường hợp đáp ứng điều kiện, đề xuất thành lập Hội đồng ENT theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 24 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP. - Dự thảo văn bản chuyển Lãnh đạo phòng.		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư	0,5 ngày
B7	Xem xét, thành lập Hội đồng ENT	Lãnh đạo UBND tỉnh	07 ngày
B8	Hội đồng ENT đánh giá các tiêu chí ENT quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định 09/2018/NĐ-CP; Chủ tịch Hội đồng ENT có văn bản kết luận đề xuất	Hội đồng ENT	27 ngày
B9	Kể từ ngày nhận được văn bản kết luận đề xuất của Chủ tịch Hội đồng ENT: + Trường hợp văn bản kết luận đề xuất không cấp phép, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; + Trường hợp văn bản kết luận đề xuất cấp phép, gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).	Chuyên viên phòng QLTM	1,5 ngày
B10	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B11	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
B12	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư	0,5 ngày
B13	Căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP)	Lãnh đạo UBND tỉnh	10 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B14	Kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu văn bản cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh từ chối, tham mưu văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Chuyên viên phòng QLTM	1,5 ngày
B15	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B16	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
B17	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Sở	0,5 ngày
B18	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện TTHC		55 ngày làm việc

4. Nhóm 04 TTHC gồm:

4.1. Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000361)

4.2. Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000129)

4.3. Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000358)

4.4. Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000168)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ).

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ TTHC cho lãnh đạo phòng QLTM xử lý.	CCMC	02 giờ
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo phòng QLTM	02 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được yêu cầu, thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 24 giờ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành; - Dự thảo văn bản chuyển Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên phòng QLTM	16 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	02 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư	02 giờ
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	12 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện TTHC		05 ngày làm việc

5. Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000376).

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (07 ngày làm việc x 08 giờ = 56 giờ).

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLTM	CCMC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTM	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung trong vòng 24 giờ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định,	Chuyên viên Phòng QLTM	24 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện (ngày làm việc)
	thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành; - Dự thảo văn bản chuyển lãnh đạo phòng		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTM	02 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	04 giờ
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	16 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		07 ngày làm việc

XII. Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện (02 TTHC)

1. Nhóm 02 TTHC gồm:

1.1. Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013399);

1.2. Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013400);

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 25 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ TTHC cho lãnh đạo Phòng QLCN xử lý.	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLNL	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản	Chuyên viên Phòng QLNL	13,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
	trong thời hạn 03 ngày làm việc để tổ chức cá nhân kinh doanh sửa đổi, bổ sung hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tiến hành thẩm định hồ sơ theo quy định; - Dự thảo văn bản chuyển Lãnh đạo phòng.		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLNL	01 ngày
B5	Duyệt hồ sơ/ký xử lý văn bản thông báo kết quả xét chọn đến cá nhân gửi hồ sơ đề nghị	Lãnh đạo Sở	02 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	07 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		25 ngày

XIII. Lĩnh vực Xuất nhập khẩu (26 TTHC)

1. Nhóm 02 TTHC gồm

1.1. Thủ tục cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế (1.001419);

1.2. Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (1.005405)

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo phòng QLTM xử lý.	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, thông báo bằng văn bản trong thời hạn 03	Chuyên viên phòng QLTM	04 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
	ngày để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đầy đủ, hợp lệ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do; - Chuyển dự thảo Văn bản tới Lãnh đạo phòng.		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thông kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện TTHC		10 ngày làm việc

2. Nhóm 02 TTHC gồm:

2.1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (1.000350);

2.2. Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (1.005406)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo phòng QLTM xử lý.	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, thông báo cho thương nhân nước ngoài	Chuyên viên phòng QLTM	17 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
	bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành. Trường hợp từ chối gia hạn Giấy chứng nhận, dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do; - Chuyển dự thảo Văn bản tới Lãnh đạo phòng.		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	10 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện TTHC		30 ngày làm việc

3. Nhóm 02 TTHC gồm:

3.1. Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh) (1.003438);

3.2. Cấp phép nhập khẩu mặt hàng có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh nhưng không phục vụ quốc phòng, an ninh (1.013991)

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo phòng QLTM xử lý.	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo phòng QLTM	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, thông báo cho thương nhân bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày để bổ sung, hoàn chỉnh	Chuyên viên phòng QLTM	08 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
	hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do; - Chuyển dự thảo Văn bản tới Lãnh đạo phòng.		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	01 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện TTHC		17 ngày làm việc

4. Nhóm 05 TTHC gồm:

4.1. Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (1.004155);

4.2. Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt (1.004181);

4.3. Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng (2.001758);

4.4. Gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh (1.013778);

4.5. Cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép (1.013779);

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo phòng QLTM xử lý.	CCMC	04 giờ
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo phòng QLTM	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản:	Chuyên viên	24 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, thông báo cho thương nhân bằng văn bản trong thời hạn 24 giờ để hoàn thiện hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành. Trường hợp từ chối cấp Mã số, dự thảo Văn bản trả lời và nêu rõ lý do; - Chuyển dự thảo Văn bản tới Lãnh đạo phòng. 	phòng QLTM	
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	02 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	04 giờ
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	16 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện TTHC		07 ngày làm việc

5. Nhóm 06 TTHC gồm:

5.1. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất (1.001062);

5.2. Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác (1.000957);

5.3. Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập (1.000905)

5.4. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu (1.000890);

5.5. Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất (1.000551);

5.6. Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật (1.000477);

5.7. Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà (1.000363);

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 05 ngày làm việc = 40 giờ kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo phòng QLTM xử lý.	CCMC	02 giờ
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo phòng QLTM	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, thông báo bằng văn bản trong thời hạn 24 giờ để thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành. Trường hợp từ chối cấp phép, dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do; - Chuyển dự thảo Văn bản tới Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên phòng QLTM	20 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	02 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	08 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thông kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện TTHC			40 giờ

6. Nhóm 03 TTHC gồm:

6.1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương (1.001238);

6.2. Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương (1.001104);

6.3. Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu (1.004191);

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo phòng QLTM xử lý.	CCMC	02 giờ
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo phòng QLTM	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, thông báo bằng văn bản trong thời hạn 08 để thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành. Trường hợp từ chối điều chỉnh/cấp lại Giấy phép, dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do; - Chuyển dự thảo Văn bản tới Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên phòng QLTM	06 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	02 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	02 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	08 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện TTHC		03 ngày làm việc

XIV. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (12 TTHC)

1. Nhóm 03 TTHC gồm:

1.1. Cấp giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (1.000981);

1.2. Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá (1.000172);

1.3. Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu (1.000949);

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLTM	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung trong vòng 07 ngày. - Trường hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC theo quy định - Dự thảo văn bản chuyển lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng QLTM	11 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	6 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		20 ngày làm việc

2. Nhóm 05 TTHC gồm:

2.1. Cấp lại giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (1.000948)

2.2. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (1.000911);

2.3. Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ; đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu; di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá (1.000162);

2.4. Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá (1.013780);

2.5. Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.004021)

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLCN, QLTM	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN, QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung trong vòng 07 ngày. - Trường hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC theo quy định - Dự thảo văn bản chuyển lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng QLCN, QLTM	07 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN, QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		15 ngày làm việc

3. Nhóm 03 TTHC gồm:

3.1. Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại (2.000209);

3.2. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp do bị mất hoặc bị hỏng (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.003992)

3.3. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.004007)

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLCN, QLTM	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN, QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung trong vòng 02 ngày. - Trường hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC theo quy định; - Dự thảo văn bản chuyển lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng QLCN, QLTM	2,5 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN, QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		07 ngày làm việc

4. Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá (1.000667)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLTM	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Chuyên viên Phòng QLTM	04 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
	có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung trong vòng 03 ngày. - Trường hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC theo quy định - Dự thảo văn bản chuyển lãnh đạo phòng		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		10 ngày làm việc

XV. Lĩnh vực Công nghiệp nặng (01 TTHC)

1. Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (1.001158)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 55 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLCN	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung trong vòng 05 ngày. - Trường hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC theo quy định - Dự thảo văn bản chuyển lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng QLCN	35,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN	01 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	02 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	15 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		55 ngày làm việc

XVI. Lĩnh vực Dầu khí (01 TTHC)

1. Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (1.013987)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo phòng QLTM xử lý.	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, thông báo cho thương nhân nước ngoài bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày để bổ sung hoặc làm lại hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành; - Chuyển dự thảo Văn bản tới Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên phòng QLTM	11 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	06 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện TTHC		20 ngày

XVII. Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hóa (06 TTHC)

1. Nhóm 02 TTHC:

1.1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm hàng hóa (2.000604)

1.2. Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định (2.001675)

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLCN	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung trong vòng 03 ngày. - Trường hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC theo quy định - Dự thảo văn bản chuyển lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng QLCN	04 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTM	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	3 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		10 ngày làm việc

2. Nhóm 04 TTHC:

2.1. Cấp Quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định (1.013989)

2.2. Cấp lại quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (1.013990)

2.3. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định (2.001665)

2.4. Cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (2.000046)

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ).

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ TTHC cho lãnh đạo phòng QLCN xử lý.	CCMC	02 giờ
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo phòng QLCN	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được yêu cầu, thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 24 giờ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành; - Dự thảo văn bản chuyển Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên phòng QLCN	16 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLCN	02 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư	02 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	12 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện TTHC		05 ngày làm việc

XVIII. Lĩnh vực Khoa học công nghệ (01 TTHC)

1. Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (2.000147)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ TTHC cho lãnh đạo phòng QLCN xử lý.	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công, chuyển hồ sơ TTHC cho công chức phòng xử lý	Lãnh đạo phòng QLCN	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được yêu cầu, thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 24 giờ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành; - Dự thảo văn bản chuyển Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên phòng QLCN	17 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLCN	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện TTHC		25 ngày làm việc

XIX. Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (09 TTHC)

1. Nhóm 06 TTHC gồm:

1.1. Cấp giấy chứng nhận hoạt động thử nghiệm (1.001271);

1.2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (1.000878);

1.3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (1.001292);

1.5. Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm. (2.000618);

1.6. Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định. (2.000401);

1.6 Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận. (2.000628).

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 10 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLCN	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo	Chuyên viên Phòng QLCN	04 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B9	Trả kết quả giải quyết; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		10 ngày làm việc

2. Nhóm 03 TTHC gồm:

2.1. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (2.000613);

2.2. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (2.000251);

2.3. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (2.000624).

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ).

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLCN	CCMC	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo	Chuyên viên Phòng QLCN	16 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN	02 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	12 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết; Thống kê, theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		05 ngày làm việc

XX. Lĩnh vực An toàn thực phẩm (10 TTHC)

1. Nhóm 02 TTHC gồm:

1.1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm (2.001293)

1.2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (2.000117)

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 22 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLCN	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo	Chuyên viên Phòng QLCN	13,5 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN	01 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		22 ngày làm việc

2. Nhóm 02 TTHC gồm:

2.1. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (2.001.278)

2.2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (2.000.115)

(1). Trường hợp cấp lại do bị mất, hỏng hoặc cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLCN	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo	Chuyên viên Phòng QLCN	04 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	1 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		10 ngày làm việc

(2). Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 22 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLCN	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ,	Chuyên viên Phòng QLCN	13,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
	không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN	01 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		22 ngày làm việc

(3). Trường hợp cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: (Thực hiện theo cơ chế “4 tại chỗ”)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện (giờ làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLCN	CCMC	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN	02 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện (giờ làm việc)
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc để tổ chức cá nhân kinh doanh sửa đổi, bổ sung hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đáp ứng yêu cầu tiến hành thẩm định hồ sơ theo quy định: dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Phòng.	Chuyên viên Phòng QLCN	04 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN	02 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	08 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			24 giờ làm việc

3. Nhóm 02 TTHC gồm:

3.1. Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (2.001682)

3.2. Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm (2.001595)

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 45 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLCN	CCMC	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN	0,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày làm việc để tổ chức cá nhân kinh doanh sửa đổi, bổ sung hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đáp ứng yêu cầu tiến hành thẩm định hồ sơ theo quy định: dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Phòng.	Chuyên viên Phòng QLCN	29,5 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN	02 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	02 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	10 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		45 ngày làm việc

4. Nhóm 4 TTHC gồm:

4.1. Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.003951)

4.2. Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (2.001660)

4.3. Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm (2.001595)

4.4. Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm (1.003929)

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 30 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLCN	CCMC	0,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLCN	0,5 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân, tổ chức bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày làm việc để tổ chức cá nhân kinh doanh sửa đổi, bổ sung hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đáp ứng yêu cầu tiến hành thẩm định hồ sơ theo quy định: dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Phòng.	Chuyên viên Phòng QLCN	14,5 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLCN	02 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	02 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển hồ sơ xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
B7	Xem xét, quyết định; Chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	10 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; Thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		30 ngày làm việc

XXI. Lĩnh vực Giám định thương mại (02 TTHC)

Nhóm 02 TTHC gồm:

- 1. Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại (1.005190);**
- 2. Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại (2.000110);**

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (07 ngày làm việc x 08 giờ = 56 giờ).

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng QLTM	CCMC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTM	02 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời hạn thực hiện
B3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản: - Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung trong vòng 24 giờ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, thực hiện thẩm định, xử lý hồ sơ theo quy định hiện hành; - Dự thảo văn bản chuyển lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng QLTM	24 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTM	02 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho UBND tỉnh	Văn thư Sở	04 giờ
B7	Xem xét, quyết định/ chuyển kết quả cho CCMC	Lãnh đạo UBND tỉnh	16 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê, theo dõi	CCMC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		07 ngày làm việc